

Bản án số: 40/2018/DS-PT

Ngày: 14 - 3- 2018

V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Mai Thiện Kế.

2/ Ông Nguyễn Văn Dũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Trần Hồng Diễm, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2017/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2017/DS-ST ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1930; Địa chỉ: Số A, k7, p1, TX.NN, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Quận – Luật sư văn phòng luật sư Quang Nhơn, Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1 Ông Huỳnh Thanh D, sinh năm 1954 (có mặt)

2.2 Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1952 (có mặt)

Cùng địa chỉ: số B, k7, p1, TX.NN, tỉnh Sóc Trăng.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, ấp D, xã VTĐ, huyện LM, tỉnh Hậu Giang.

3.2 Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1956 (vắng mặt).

3.3 Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1964 (có mặt).

3.4 Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1966 (có mặt).

Cùng địa chỉ: k7, p1, TX.NN, tỉnh Sóc Trăng.

3.5 Bà Huỳnh Thị N1(Huỳnh Thị Ánh N1), sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số Đ, ấp LP, xã LB, TX.NN, tỉnh Sóc Trăng.

3.6 Bà Huỳnh Thị C1, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số G, ấp MH, xã LB, TX. NN, tỉnh Sóc Trăng.

3.7 Bà Huỳnh Thị N2, sinh năm TX.NN, tỉnh Sóc Trăng.

3.8 Ông Huỳnh Quốc D1, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: k7, p1, TX.NN, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn S, bà Huỳnh Thị N1(Huỳnh Thị Ánh N1), bà Huỳnh Thị C1, ông Huỳnh Thị N2, ông Huỳnh Quốc D1 là bà Đỗ Thị H theo văn bản ủy quyền đề ngày 15/12/2016. (bà H có mặt).

3.9. Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1983 (vắng mặt).

3.10. Ông Huỳnh Văn Đ1, sinh năm 1985 (có mặt).

Cùng cư trú: K7, p1, TX.NN, tỉnh Sóc Trăng

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Đàm Văn Th, sinh năm 1952 (có mặt);

4.2. Ông Phạm Văn Đ2, sinh năm 1945 (vắng mặt);

4.3. Ông Đỗ Văn D2, sinh năm 1972 (vắng mặt);

4.4. Ông Nguyễn Vinh Q, sinh năm 1945 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: K7, p1, TX.NN, tỉnh Sóc Trăng.

4.5. Ông Phan Văn P, sinh năm 1971; Địa chỉ: K1, p 1, TX.NN, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

5. Người kháng cáo: Bị đơn ông Huỳnh Thanh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 29/8/2016, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 12/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Đỗ Thị H trình bày: Nguyên vào năm 1988 bà và ông Huỳnh Thanh D, bà Huỳnh Thị N có thỏa thuận đổi đất với nhau diện tích của bà là 2000m², thửa đất số 175 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau khi đổi ông D đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất tại thửa 176), đối với diện tích đất của ông D là 1.300m². Khi đổi đất hai bên có thỏa thuận vợ chồng ông D phải giao cho gia đình bà một lối đi chiều ngang 03m, chiều dài từ lộ đal đến nhà 02 người con bà là ông Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn T khoảng 70m (Nay theo kết quả đo đạc của Tòa án chiều dài thực tế là 60,8m) và gia đình bà đã sử dụng lối đi này, đến năm 2002 ông D tự ý rào lối đi không cho gia đình bà sử dụng, bà có yêu cầu Ban nhân dân ấp 7, thị trấn Ngã Năm (nay là khóm 1, phường 7 thị xã Ngã Năm) có lập biên bản giải quyết thì phía ông D đồng ý tháo dỡ hàng rào trả lại lối đi cho gia đình bà. Đến năm 2016 ông D lại tiếp tục bao chiếm lối đi nữa, bà có yêu cầu Ủy ban nhân dân phường 1, thị xã Ngã Năm giải quyết nhưng không thành. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Thanh D và bà Huỳnh Thị N trả lại lối đi có chiều ngang 03m, dài 60,8m tại thửa 176, 177, cùng tờ bản đồ số 02, tọa lạc k7, p1, TX.NN, tỉnh Sóc Trăng.

Theo đơn yêu cầu lập ngày 27/11/2016, biên bản lấy khai ngày 07/12/2016 và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Huỳnh Thanh D, bà Huỳnh Thị N trình bày: Vào khoảng năm 1988 cha ông D là ông Huỳnh Văn N3 có đổi đất với chú ruột ông D là ông Huỳnh Văn L1 (chồng bà H) diện tích hai bên đổi với nhau khoảng 1.800m², hiện trạng phần đất đổi hiện nay vẫn còn. Vào năm 1994 ông, bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà H hoán đổi là thửa đất 176. Về phần đất tranh chấp lối đi thì không liên quan gì đến việc đổi đất, nguồn gốc lối đi này là của cha ông D cho lại vợ chồng ông D và Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông, bà là thuộc thửa số 177. Từ năm 1978 vợ chồng ông đã đào mương đắp đường đi chiều ngang 03m, chiều dài khoảng 50m để đi ra ruộng phía sau, trước khi đổi đất thì gia đình ông, bà đã cho gia đình bà H đi nhờ lối đi này ra ruộng và sau khi đổi đất thì vẫn tiếp tục cho gia đình bà H đi nhờ. Vào năm 2002 ông Huỳnh Văn C và ông Huỳnh Văn T (hai người con của bà H) đã sắp đặt cùng Ban nhân dân ấp 7, lợi dụng lúc ông D say rượu thì kêu lại nhà ông Phạm Văn Đ2 lập biên bản thỏa thuận nói rằng thỏa thuận xin đi nhờ lối đi nêu trên và ông D đã ký tên, nhưng sau này mới biết nội dung biên bản là ông D đồng ý trả lại lối đi cho gia đình bà H. Cách nay khoảng 05 năm, ông C và ông T tự ý trảng xi măng chiều ngang 0,6m trên lối đi này để sử dụng, sau đó gia đình ông kéo lúa làm hư đường xi măng thì hai bên xảy ra tranh chấp. Hiện nay, ông, bà vẫn đồng ý để lối đi nêu trên làm đường đi chung, nhưng quyền sử dụng đất thì ông, bà vẫn đứng tên, không đồng ý cắt phần đất này cho bà H

Theo biên bản lấy lời khai của Tòa án lập ngày 16/3/2017 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn C trình bày: Theo ông được biết trước năm 1990 cha ông có lấy thửa 176 đổi cho ông D để lấy phần đất ruộng hiện tại ông D tại thửa 192 (thửa mới là 108), hiện nay ông đang canh tác thửa đất này. Khi hoán đổi hai bên thỏa thuận phía ông D phải giao mương chiều ngang 03m (cấp bên lối đi tranh chấp hiện nay) cho gia đình ông làm đường vận chuyển lúa từ ruộng ra ngoài sông. Gia đình ông sử dụng mương đến khoảng năm 1996-1997 thì hai bên có thảo thuận đắp đập ngăn ra sông để giữ nước ngọt canh tác lúa, lúc này thì ghe không còn ra vào mương được nữa. Do vậy, mẹ ông nói với ông D nếu lấy con mương canh tác lúa thì để lại lối đi chiều ngang 03m trên bờ

mương cho ông và ông T có đường đi vào nhà, phía ông D đã đồng ý và gia đình ông đã sử dụng lối đi này, đến năm 2002 ông D rào lối đi này lại nên phát sinh tranh chấp, khi đó Ban nhân dân ấp 7 bao gồm các ông: Đỗ Văn D2, Phan Văn P, ông Lê Văn L2 có mượn nhà của ông Phạm Văn Đ2 để tổ chức hòa giải, ông Đuôi cũng có mặt chứng kiến. Tại biên bản hòa giải lập ngày 12/12/2002, ông D chấp nhận trả lại lối đi ngang 03m từ nhà ông C ra đến bờ sông (nay là đường đal). Gia đình ông tiếp tục sử dụng lối đi này đến năm 2016 thì lại phát sinh tranh chấp nên mới khởi kiện ra Tòa án. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của mẹ ông buộc vợ chồng ông D phải trả lại lối đi nêu trên.

Theo biên bản lấy lời khai của Tòa án lập ngày 16/3/2017 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của mẹ ông là bà Đỗ Thị H và anh Huỳnh Văn C.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2017/DS-ST ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm đã xét xử:

- Căn cứ: Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 229, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Khoản 5 Điều 166 của Luật đất đai năm 2013.

- Căn cứ Điều 253 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/- Buộc ông Huỳnh Thanh D và bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ giao trả cho bà Đỗ Thị H và những người thừa kế của ông Huỳnh Thanh L1 là: Bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn S, ông Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị N1(Huỳnh Thị Ánh N1), bà Huỳnh Thị C1, bà Huỳnh Thị N2, ông Huỳnh Quốc D1, lối đi có diện tích đất 192,1m² (Trong đó thuộc thửa số 176 là 52,9m² và thuộc thửa số 177 là 132,2m²), tọa lạc tại k7, p1, TX.NN, tỉnh Sóc Trăng. Về vị trí, hình thể và số đo các cạnh của phần đất này được thể hiện cụ thể trong sơ đồ kèm theo bản án.

Bà H và những người thừa kế của ông Huỳnh Thanh L1 nêu trên khi sử dụng phần lối đi này không được ngăn dòng chảy con mương của ông D và bà N (Cấp bên phần đất lối đi này), phải đảm bảo quyền về tưới nước, tiêu nước canh tác của ông D và bà Nan.

2/- Bà Đỗ Thị H và những người thừa kế của ông Huỳnh Thanh L1 là: Bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn S, ông Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị N1 (Huỳnh Thị Ánh N1), bà Huỳnh Thị C1, bà Huỳnh Thị N2, ông Huỳnh Quốc D1, có nghĩa vụ hoàn trả giá trị các cây trồng cho ông D và bà N với số tiền 3.985.000đồng (Ba triệu, chín trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

Đề đảm bảo quyền lợi của ông D và bà N khi thi hành án, kể từ ngày ông D và bà N có đơn yêu cầu thi hành án, những người nêu trên còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án số tiền nêu trên, theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả.

3/. Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 032883, ngày 18/11/1994, cấp cho hộ ông Huỳnh Thanh V (Huỳnh Thanh D) đối với thửa đất số 176, 177 về diện tích đất buộc giao trả lại cho bà H và những người thừa kế của ông Huỳnh Thanh L1 nêu trên tại hai thửa đất này.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/9/2017, bị đơn ông Huỳnh Thanh D kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 31/2017/DS-ST ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị H. Ông chấp nhận trả cho bà H phần đất chênh lệch là đất ruộng mà chồng bà H đã đổi với cha ông D là ông Huỳnh Văn N3.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của của Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật dân sự năm 2015 sửa một phần bản án sơ thẩm do bản án sơ thẩm tuyên buộc phía nguyên đơn hoàn trả giá trị cây trồng trên phần đất cho phía bị đơn nhưng không tuyên phía nguyên đơn được sở hữu các cây trồng này là thiếu sót, giữ nguyên các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm và không chấp nhận kháng cáo của ông D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Thanh D vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận thì thấy:

[1]. Tại cấp phúc thẩm, Tòa án có đưa 02 người con của ông Huỳnh Thanh D là Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Văn Đ1 vào tham gia tố tụng trong vụ án nhưng giai đoạn tố tụng tại cấp phúc thẩm ông Đ và ông Đ1 không có ý kiến gì.

[2]. Về nội dung: Nguyên đơn bà Đỗ Thị H khởi kiện để yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Thanh D và bà Huỳnh Thị N trả lại lối đi có chiều ngang 03m, dài 60,8m tại thửa 176, 177, cùng tờ bản đồ số 02, tọa lạc k7, p1, TX.NN, tỉnh Sóc Trăng với lý do năm 1988 bà và ông Huỳnh Thanh D, bà Huỳnh Thị N có thỏa thuận đổi đất với nhau diện tích của bà là 2000m². Khi đổi đất hai bên có thỏa thuận vợ chồng ông D phải giao cho gia đình bà một lối đi chiều ngang 03m, chiều dài từ lộ đāl đến nhà 02 người con bà là ông Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn T khoảng 70m (Nay

theo kết quả đo đạc của Tòa án chiều dài thực tế là 60,8m) và gia đình bà H đã sử dụng lối đi này, đến năm 2002 ông D tự ý rào lối đi không cho gia đình bà H sử dụng và phát sinh tranh chấp. Ngày 12/12/2002 Ban nhân dân ấp 7, thị trấn Ngã Năm (nay là khóm 1, phường 7 thị xã Ngã Năm) có lập biên bản giải quyết, trong đó phía ông D đồng ý tháo dỡ hàng rào trả lại lối đi cho gia đình bà. Đến năm 2016 ông D lại tiếp tục bao chiếm lối đi này nên bà H khởi kiện buộc ông D, bà N mở lối đi. Bị đơn Ông Huỳnh Thanh D và bà Huỳnh Thị N không đồng ý yêu cầu của bà H vì phần đất tranh chấp không liên quan đến việc đổi đất, biên bản ngày 12/12/2002 được lập trong lúc ông D say rượu. Sự việc đã được Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Huỳnh Thanh D kháng cáo yêu cầu không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Thanh D thì thấy: nguyên đơn bà Đỗ Thị H và bị đơn ông Huỳnh Thanh D, bà Huỳnh Thị N đều thừa nhận vào năm 1988 hai bên có đổi đất, theo đó gia đình bà H lấy thửa 192 (thửa mới là 108), gia đình ông D lấy thửa 176 và được giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Đây là sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo bà H cho rằng khi đổi đất có thỏa thuận miệng về lối đi cho gia đình bà sử dụng nhưng bị đơn ông Huỳnh Thanh D cho rằng khi đổi đất thì phần đất tranh chấp hiện nay không liên quan gì đến việc đổi đất. Vào thời điểm năm 2002 hai bên phát sinh tranh chấp về lối đi. Tại Biên bản hòa giải ngày 12/2/2002 (bút lục 35) thể hiện: *“...ông Huỳnh Thanh D chấp nhận trả lại tuyến đường đi từ nhà của ông Chệnh phía sau ra đến bờ sáng, về phần tuyến đường trên ông Huỳnh Thanh D không được rào và ngăn cản...”*.

Ông D cho rằng vào năm 2002 ông Huỳnh Văn C và ông Huỳnh Văn T (hai người con của bà H) đã sắp đặt cùng Ban nhân dân ấp 7, lợi dụng lúc ông D say rượu thì kêu lại nhà ông Phạm Văn Đ2 lập biên bản thỏa thuận nói rằng thỏa thuận xin đi nhờ lối đi nêu trên và ông D đã ký tên, sau này mới biết nội dung biên bản là ông D đồng ý trả lại lối đi cho gia đình bà H nhưng qua xác minh ông Phạm Văn Đ2 (bút lục 157, 158) và ông Đỗ Văn D2 (bút lục 159, 160) đều xác nhận nội dung Biên bản hòa giải là gia đình ông D đồng ý trả lối đi cho gia đình bà H nên lời trình bày của ông D, bà N là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử buộc bị đơn ông D, bà N có nghĩa vụ giao trả lối đi cho bà H và buộc bà H hoàn trả giá trị cây trồng trên lối đi cho ông D, bà N là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của ông D là không có cơ sở. Lời trình bày của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử buộc bà H và những người thừa kế của ông Huỳnh Thanh L1 hoàn trả giá trị cây trồng trên lối đi cho ông D, bà Nhung không tuyên bà H và những người thừa kế của ông Huỳnh Thanh L1 được sở hữu cây trồng trên lối đi là thiếu sót. Đồng thời, cấp sơ thẩm buộc ông Huỳnh Thanh D và bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ giao trả cho bà Đỗ Thị H và những người thừa kế của ông Huỳnh Thanh L1 lối đi có diện tích 192,1m² (trong đó thuộc thửa số 176 là 52,9m² và thuộc thửa số 177 là 139,2m²), tọa lạc tại k7, p1, TX.NN, tỉnh Sóc Trăng nhưng không nêu thuộc tờ bản đồ nào, vị trí tứ cận là chưa

đúng về kỹ thuật viết bản án nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần án sơ thẩm đối với cây trồng trên lối đi và điều chỉnh lại phần kỹ thuật tuyên bản án để quá trình thi hành án dễ thi hành. Đề nghị của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại tòa là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về chi phí thẩm định tại cấp phúc thẩm: do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại cấp phúc thẩm là 1.260.000đ, số tiền này do nguyên đơn bà Đỗ Thị H đã nộp tạm ứng, vì vậy ông D có trách nhiệm trả lại cho bà H.

[6] Về án phí phúc thẩm: do án sơ thẩm bị sửa nên ông Huỳnh Thanh D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Thanh D;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2017/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm đã xét xử về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn bà Đỗ Thị H và bị đơn ông Huỳnh Thanh D (V), bà Huỳnh Thị N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về cây trồng trên lối đi, như sau:

Căn cứ Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 165; Khoản 2 Điều 229, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Điều 253 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Buộc ông Huỳnh Thanh D (V) và bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ giao trả cho bà Đỗ Thị H và những người thừa kế của ông Huỳnh Thanh L1 là: Bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn S, ông Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị N1(Huỳnh Thị Ánh Nguyệt), bà Huỳnh Thị C1, bà Huỳnh Thị N2, ông Huỳnh Quốc D1, lối đi có diện tích đất 192,1m² (Trong đó thuộc thửa số 176 tờ bản đồ số 02 (thửa mới số 222 tờ bản đồ số 80) là 52,9m² và thuộc thửa số 177 tờ bản đồ số 02 (thửa mới số 52 tờ bản đồ số 80) là 139,2m²), tọa lạc tại k7, p1, TX.NN, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể phần đất tại các thửa đất có tứ cận như sau:

- Phần đất thuộc thửa số 176 tờ bản đồ số 02 (thửa mới số 222 tờ bản đồ số 80) diện tích 52,9m² có tứ cận:

Một cạnh giáp với phần đất tranh chấp thuộc thửa 177, có số đo 3m;

Một cạnh giáp với phần đất còn lại thuộc thửa 176, có số đo 3m;
Một cạnh giáp phần đất còn lại thuộc thửa 176, có số đo 14,40m;
Một cạnh giáp mương thoát nước, có số đo 11,40m
- Phần đất thuộc thửa số 177 tờ bản đồ số 02 (thửa mới số 52 tờ bản đồ số 80) diện tích 139,2m² có tứ cận:
Một cạnh giáp với lộ đāl, có số đo 3m;
Một cạnh giáp với phần đất tranh chấp thuộc thửa 176, có số đo 3m;
Một cạnh giáp phần đất còn lại thuộc thửa 177, có số đo 46,40m;
Một cạnh giáp mương thoát nước, có số đo 46,40m.
(có sơ đồ kèm theo)

Bà Đỗ Thị H và những người thừa kế của ông Huỳnh Thanh L1 nêu trên khi sử dụng phần lối đi này không được ngăn dòng chảy con mương của ông Huỳnh Thanh D (V) và bà Huỳnh Thị N (Cấp bên phần đất lối đi này), phải đảm bảo quyền về tưới nước, tiêu nước canh tác của ông D và bà N.

Bà Đỗ Thị H và những người thừa kế của ông Huỳnh Thanh L1 là: Bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn S, ông Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị N1(Huỳnh Thị Ánh N1), bà Huỳnh Thị C1, bà Huỳnh Thị N2, ông Huỳnh Quốc D1, có nghĩa vụ hoàn trả giá trị các cây trồng cho ông Huỳnh Thanh D (V) và bà Huỳnh Thị N với số tiền 3.985.000 đồng (Ba triệu, chín trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

Để đảm bảo quyền lợi của ông Huỳnh Thanh D (V) và bà Huỳnh Thị N khi thi hành án, kể từ ngày ông D (V) và bà N có đơn yêu cầu thi hành án, những người nêu trên còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án số tiền nêu trên, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả.

Bà Đỗ Thị H và những người thừa kế của ông Huỳnh Thanh L1 là: Bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn S, ông Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị N1(Huỳnh Thị Ánh N1), bà Huỳnh Thị C1, bà Huỳnh Thị N2, ông Huỳnh Quốc D1 được sở hữu 01 cây dừa loại A, 02 cây dừa loại C, 03 cây mít loại A, 05 cây mít loại C, 01 cây xoài loại A, 01 cây xoài loại B, 01 cây xoài loại C, 03 cây tràm Đà Lạt loại A, 01 cây tràm Đà Lạt loại B, 04 cây tràm Đà Lạt loại C, 02 cây ổi loại C, 01 cây gừa loại A, 05 cây chuối loại A và 15 cây chuối loại C.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 032883, ngày 18/11/1994, cấp cho hộ ông Huỳnh Thanh V (Huỳnh Thanh D) đối với thửa đất số 176, 177 về diện tích đất buộc giao trả lại cho bà Đỗ Thị H và những người thừa kế của ông Huỳnh Thanh L1 nêu trên tại hai thửa đất này.

Ông Huỳnh Thanh D (V), bà Huỳnh Thị N phải chịu chi phí thẩm định, định giá và đo đạc tài sản tranh chấp tại cấp sơ thẩm là 3.318.800đ (ba triệu ba trăm mười tám ngàn tám trăm đồng) và chi phí xem xét thẩm định tại cấp phúc thẩm là 1.260.000đ (một triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng), tổng cộng Huỳnh Thanh D (V), bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị H tổng số tiền là 4.578.800đ (bốn triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn tám trăm đồng).

Ông Huỳnh Thanh D (V), bà Huỳnh Thị N là người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông, bà được miễn nộp tiền án phí.

Bà Đỗ Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 118.000đ (một trăm mười tám ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0000693 ngày 21/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn ông Huỳnh Thanh D (V) không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 007997 ngày 06/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS-THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Tăng Thị Thúy Nga